

B NG ãI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 34CXD3 Nñ h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ãT : H c ph n : 1230172012-801 - An to ã lao L ng v ã M»i H c km : HK03
tr ãg

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñI M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3475010009	34CXD3	T» Tu n	Anh	04/10/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
2	3471010003	34CCD1	L² VÑh	Ánh	06/10/1991				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
3	3471010004	34CLC-CD	Nguy n VÑh	Ánh	25/07/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
4	3471010026	34CCD3	Nguy n Thanh	Bình	02/03/1991				7.0			7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
5	3471010030	34CCD6	Ph m VÑh	C nh	15/10/1991				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
6	3471010045	34CCD7	H VÑh	Cu	00/00/1991				7.0			7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
7	3471010048	34CCD3	Bùi Xuân	C ãg	02/12/1992				6.0			6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
8	3471010051	34CCD2	Tr n Nam	C ãg	16/01/1992				6.0			6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
9	3471010072	34CCD1	Nguy n Ng c	Duyên	17/07/1992				7.0			7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
10	3471010061	34CCD5	Lê Anh	Đi ½g	03/12/1992				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
11	3471010062	34CCD1	Nguy n ã ãh	Đi ½g	03/09/1992				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
12	3471010076	34CCD7	Nguy n VÑh	ñ a	06/11/1992				6.0			6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
13	3471010083	34CCD3	Lê Thành	ñ t	20/07/1992				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
14	3471010087	34CCD1	D ãg T	ñ i m	24/02/1991				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
15	3471010090	34CCD3	Nguy n Kh c	ñ i p	14/02/1991				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
16	3471010101	34CCD6	Nguy n H ãg	ñ c	19/08/1991				7.0			7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
17	3471010105	34CCD4	Tr n Trung	ñ c	04/05/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
18	3471010110	34CCD5	Ho ãg VÑh	H i	02/10/1992				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
19	3471010116	34CCD2	Lê Gia	Hi u	28/03/1992				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 34CXD3 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 1230172012-801 - An to ấ lao L ng v ấ M ấ i H c km : HK03

STT	M í S	L P SV	H V ấ T ấ N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3471010127	34CCD6	Ho ấ ng V ấ	Ho ấ n	26/11/1992				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
21	3471010138	34CCD3	Nguy n H ng	H ồ a	19/05/1992				7.0			7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
22	3471010139	34CCD3	Nguy n Qu c	H ồ a	15/04/1992				6.0			6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
23	3471010133	34CCD2	Ho ấ ng V ấ	H ng	10/01/1991				6.0			6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
24	3471010148	34CCD7	Nguy n B ấ	Huy	28/02/1990				6.0			6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
25	3471010156	34CCD5	B ầ i Trung	H u	20/11/1991				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
26	3471010167	34CCD1	Nguy n V ấ	Kh i	06/12/1992				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
27	3471010177	34CCD1	Tr n Vi t	L ầ m	14/07/1992				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
28	3471010191	34CCD6	Nguy n Ho ấ ng	Long	26/02/1989				6.0			6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
29	3471010196	34CCD3	Nguy n Thanh	L c	01/04/1992				9.0			9.0	2.7	9.0	6.3	9.0	
30	3471010197	34CCD5	Tr n ấ i	L c	17/05/1992				7.0			7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
31	3471010209	34CCD3	ấ o ấ Ng c	M inh	06/09/1992				7.0			7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
32	3475010162	34CLC-DD1	B ầ i H u	Ngh	05/10/1990				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
33	3471010243	34CLC-CD	H Thanh	Phong	07/04/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
34	3471010251	34CCD7	Ph m H u	Ph ứ c	16/07/1992				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
35	3475010214	34CXD6	ấ ồ C ng	Qu nh	28/02/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
36	3471010279	34CCD2	Tr n Tu n	T ầ i	03/10/1990				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
37	3471010280	34CCD7	V ấ T n	T ầ i	25/11/1991				7.0			7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
38	3371010396	34CCD3	Nguy n ấ c	T ầ m	29/02/1990				4.0			4.0	1.2	4.0	2.8	4.0	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 34CXD3 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 1230172012-801 - An to ấ lao L ng v ấ M ấ i H c km : HK03

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T ấ N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3471010342	34CCD2	Phan V ấ	To ấ n	02/08/1992				6.0			6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
40	3471010344	34CCD2	Tr n Qu c	To n	10/05/1992				4.0			4.0	1.2	4.0	2.8	4.0	
41	3471010345	34CCD5	Lê Anh	Tôn	10/03/1992				6.0			6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
42	3471010373	34CCD6	Phan V ấ	Tu n	20/04/1992				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
43	3471010376	34CCD6	Tr n Ho ấ ng	Tu n	21/12/1992				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
44	3471010377	34CCD1	Bùi Duy	Tùng	17/04/1992				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
45	3471010384	34CCD7	Lê Kim Thành	Tú	22/02/1992				7.0			7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
46	3471010385	34CCD6	Cao ấ nh	T	06/05/1988				7.0			7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
47	3471010386	34CCD1	L ² V ấ	T	29/08/1991				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
48	3471010286	34CCD6	Tr ng ấ c	Thanh	01/10/1992				7.0			7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
49	3471010297	34CCD5	D ng V ấ	Thành	03/02/1991				7.0			7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
50	3471010295	34CCD5	Tr n Qu c	Th nh	06/12/1990				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
51	3471010310	34CCD7	Nguy n Xu ấ n	Thi m	25/10/1992				7.0			7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
52	3471010319	34CCD5	Ph m V ấ	Thích	26/02/1992				7.0			7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
53	3471010318	34CCD3	Nguy n V ấ	Th	18/03/1991				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
54	3471010324	34CCD1	Nguy n Qu c	Thu n	30/05/1992				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
55	3471010349	34CCD6	Bùi Duy	Trinh	04/10/1991				7.0			7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
56	3471010363	34CCD2	Ng» Th ng	Tr ng	21/07/1992				7.0			7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
57	3471010399	34CCD7	V ng Quang	Vinh	23/01/1992				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 34CXD3 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấT : H c ph n : 1230172012-801 - An to ầ lao L ng v ầM ầi H c km : HK03
tr ng

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3471010405	34CCD5	Ph m Quang V ầ	27/03/1992				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	

T ng s : 58 h c sinh sinh vĩ² n
Tr ng Khoa Gi ầ Vĩ² n B M ần
Tp.HCM, ngày / /
Gi ầ V Khoa